TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 7 – 2024
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Cơ Ba

2/ Bà Đặng Thị Lệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long: *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 238/2024/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2024/QĐXX - ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Mỹ S, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh Trương Hoàng L, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ S trình bày:*

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Tôi và anh L hôn nhân hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 27/11/2020. Sau khi kết hôn thì vợ chồng thuê nhà trọ sống chung tại tỉnh Long An để đi làm. Đến khoảng tháng 02/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi không còn tình cảm vợ chồng với anh L vì tôi còn tình cảm với chồng cũ (tôi và chồng cũ có 02 con chung); vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Khi anh L biết việc tôi còn tình cảm với chồng cũ thì thường hay ghen tuông nên ảnh hưởng đến tâm lý và cuộc sống của tôi. Hiện nay tôi và anh L vẫn còn sống chung tại nhà trọ ở tỉnh Long An.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- *Về con chung:* Không có con chung.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Tôi và anh L sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ phải thu, phải trả*: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ ***Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh*** Trương Hoàng L ***trình bày***: Tôi thống nhất theo lời trình bày của chị S về mối quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống. Nhưng vợ chồng chỉ phát sinh mâu thuẫn từ tháng 02/2024 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ tôi là chị S nói với tôi là còn tình cảm với chồng cũ và con của chị S với chồng cũ.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị S thì tôi có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn vì tôi và chị S không có mâu thuẫn với nhau. Nay tôi có ý kiến là vợ chồng đoàn tụ với nhau.

- *Về con chung:* Không có con chung.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Nếu tôi và chị S đoàn tụ được thì tôi không yêu cầu giải quyết. Nếu không đoàn tụ được thì tôi sẽ yêu cầu giải quyết sau.

- *Về nợ phải thu, phải trả*: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

+ Chị S trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh L có nhu cầu sinh lý (quan hệ vợ chồng) quá nhiều nhưng chị không đáp ứng được; anh L có hành vi dùng tay tát vào mặt chị 02 cái (anh L thừa nhận tại Tòa); vợ chồng có mâu thuẫn đối với các khoản tiền thu, chi trong quá trình chung sống; chị S không còn tình cảm với anh L. Chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh L.

+ Anh L trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị S có tình cảm với chồng cũ và con riêng của chị S; Chị S không rõ ràng đối với các khoản tiền thu, chi, chuyển khoản trong quá trình chung sống. Nay anh L không đồng ý ly hôn vì vấn đề tài sản chung của vợ chồng chưa giải quyết xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Bị đơn anh L có địa chỉ cư trú tại huyện V, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét thấy:

[2.1] Giữa chị S và anh L có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa anh, chị có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh L có hành vi

dùng tay tát vào mặt chị 02 cái (anh L thừa nhận tại Tòa); vợ chồng có mâu thuẫn đối với các khoản tiền thu, chi trong quá trình chung sống; giữa vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Đồng thời, chị S và anh L hiện tại đã ly thân với nhau.

Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S yêu cầu xin ly hôn với anh L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 56 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

[3.1] Về con chung: Chị S và anh L thống nhất không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Về tài sản chung: Chị S và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Chị S và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về án phí sơ thẩm: Chị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 51, 55, và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Mỹ S được ly hôn với anh Trương Hoàng L.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị S nộp số tiền là: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0009046 ngày 10/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, nên chị S không phải nộp thêm.

Anh L không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Vũng Liêm;
-Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường